

Bản án số: 44/2023/HNGĐ- ST

Ngày: 18/4/2023

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình;

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q**

**Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Duy T
- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Viên và bà Nguyễn Thị Hoa
- Thư ký phiên toà: Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Q;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên toà: Bà Vi Thị Ngọc Kim - Kiểm sát viên.

Ngày 18/4/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 184/2022/TLST-HNGĐ ngày 16/12/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 21/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Q và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/3/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị X**, sinh năm 1987; HKTT và nơi ở: xóm 7, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố H. (Có mặt).
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Tiến Y**, sinh năm 1987; HKTT và nơi ở: xóm 7, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố H. (Vắng mặt lần 2).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Về phía nguyên đơn:* Trong đơn khởi kiện ly hôn, chứng cứ kèm theo trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị X trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Tiến Y (địa chỉ như trên) kết hôn vào năm 2008; cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện C, thành phố H ngày 20/5/2008.

Sau cưới vợ chồng ở tại nhà chồng (Xóm 7, thôn Đ, xã Đ); nghề nghiệp: Điều lao động tự do. Quá trình chung sống: Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh Y mê tín dị đoan thường xuyên đi lễ bái không lo cho gia đình vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng lẫn nhau và thường xuyên mâu thuẫn (từ tình cảm đến kinh tế), hai bên gia đình

đều biết và có can thiệp, khuyên giải anh Y nhiều lần nhưng không đạt kết quả, bởi vậy tôi phải ra khỏi nhà từ đầu năm 2022 và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay.

Nay, tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi xin được ly hôn để vợ chồng sớm yên ổn công việc để nuôi con.

*Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng:* Tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 26/05/2009; Nguyễn Tiến Minh Đ, sinh ngày 18/8/2011 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/7/2018. Hiện các con đang ở với anh Y. Trường hợp ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Thị Thu H, sinh 10/7/2018. Còn lại giao anh Y nuôi dưỡng.

Do tình cảm vợ chồng không còn, nên tôi tha thiết xin được toà sớm giải quyết để vợ chồng ly hôn và không hoà giải nhiều lần.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*\*Bị đơn:* Quá trình công khai chứng cứ anh Y trình bày: Tôi và cô X kết hôn vào ngày 20/5/2008, trước khi cưới có tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện C, thành phố H.

Nghề nghiệp vợ chồng: Đều làm nghề tự do (Tôi làm cơ khí). Sau cưới vợ chồng tôi sống chung tại gia đình nhà tôi (Xóm 7, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố H) được hơn 01 năm thì gia đình cho vợ chồng ở riêng.

Quá trình chung sống: Vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022, Tôi không hiểu cô X nghĩ gì mà tự bỏ nhà đi trong khi vợ chồng không mâu thuẫn đánh đập gì. Cô X bỏ nhà đi từ tháng 7/2022 cho đến nay. Việc vợ chồng ly thân cả hai gia đình đều biết và có can thiệp nhưng vợ tôi và gia đình nhà vợ ra các điều kiện vô lý như cấm tôi không được đi lễ (việc tâm linh) tôi không đồng ý với quan điểm trên dẫn đến vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Bản thân tôi xét thấy tôi không có lỗi làm gì mà cô X tự bỏ nhà đi thì cô X tự về và có người lớn đến nói chuyện thì tôi mới đồng ý. Ngoài ra, gia đình và cô X ra các điều kiện khác tôi đều không nhất trí.

Nay cô X có đơn xin ly hôn tôi, tôi vẫn mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng tôi sẽ không ký kết gì và không thỏa thuận gì về việc ly hôn. Trường hợp cô X cương quyết ly hôn đi với người khác bỏ bỏ con tôi thì tôi cũng nhất trí.

*Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng:* Tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về con chung:* Vợ chồng tôi có 03 con chung là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 26/05/2009; Nguyễn Tiến Minh Đ, sinh ngày 18/8/2011 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/7/2018. Hiện nay, ba cháu đang ở với tôi. Trường hợp ly hôn tôi xin nuôi cả 03 con, vấn đề cấp dưỡng nuôi con tôi không đề nghị gì mà để tự lương tâm của cô X.

Thu nhập bình quân của tôi khoảng 15 – 20 triệu/tháng (Làm cơ khí).

Biên bản xác minh ngày 01/3/2023, tại UBND xã Đ thể hiện: Về kết hôn giữa anh Y và chị X có đăng ký kết hôn tại xã Y, huyện C. Quá trình chung sống vợ chồng có sinh được 03 con chung và có đăng ký khai sinh tại UBND xã Đ, huyện Q như chị X, anh Y cung cấp là đúng. Quá trình anh, chị chung sống tại Thôn Đ, xã Đ không có điều tiếng gì địa phương phải can thiệp. Về nguyên nhân mâu thuẫn của anh Y, chị X theo mọi người phản ánh thì anh Y thường xuyên đi theo mọi người cúng lễ, ngoài ra thì đi làm thợ; chị X hiện tại về nhà mẹ đẻ ở. Nay cô X có đơn xin ly hôn địa phương mong Tòa hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy con chung. Trường hợp hai bên không còn tình cảm và không thể đoàn tụ thì mong Tòa xét xử cho vợ chồng anh, chị được ly hôn theo quy định của pháp luật. Về ngày công lao động phổ thông tại địa phương khoảng 300.000đ/ngày/lao động.

Nguyên vọng của con chung trường hợp chị X và anh Y ly hôn: Cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 26/05/2009 xin được ở với anh Y; cháu Nguyễn Tiến Minh Đ, sinh ngày 18/8/2011 xin được ở với chị X.

Tại phiên tòa, có mặt chị X, vắng mặt anh Y nên không tiến hành hòa giải theo quy định. Chị X vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị và bổ sung vấn đề con chung: Chị X đề nghị Tòa án chấp nhận nguyện vọng xin nuôi con Nguyễn Thị Thu H (vì cháu còn nhỏ cần mẹ chăm sóc) và con Nguyễn Tiến Minh Đ (theo nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ) còn con Nguyễn Thị Bích P tự biết chăm sóc cho bản thân (nguyên vọng xin được ở với bố) thì đề nghị giao cho anh Y và không đề nghị anh Y góp phí tồn nuôi con.

**\*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có quan điểm:**

1. Về Tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như:

+ Về quan hệ pháp luật: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu khác trong hồ sơ xác định đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về Thẩm quyền thụ lý: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có hộ khẩu thường trú tại Xóm 7, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, Thành phố H nên Tòa án nhân dân huyện Q xác định quan hệ tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc xác định tư cách tham gia tố tụng, người tham gia tố tụng: đúng quy định tại Điều 68 BLTTDS.

- Về thời hạn giải quyết vụ án: Đúng quy định tại Điều 203 của BLTTDS.

- Về thời hiệu giải quyết vụ án: Đúng quy định.

- Việc thụ lý vụ án, giao nhận thông báo thụ lý vụ án: Đúng quy định tại các điều 175, 177, 178, 195, 196 BLTTDS

- Về việc thu thập chứng cứ: Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của các bên, tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp.

- Về trình tự thủ tục tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định tại các Điều: 205, 208, 209, 210, 211 BLTTDS

- Việc đưa vụ án ra xét xử: Đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng thời hạn quy định; đã tổng đạt hợp lệ đầy đủ cho nguyên đơn, bị đơn.

- Việc gửi QĐXX, hồ sơ cho VKS nghiên cứu: Đúng thời hạn quy định tại Điều 220 BLTTDS.

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, HĐXX áp dụng Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án là đúng quy định.

2. Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa. Viện kiểm sát nhân dân huyện Q xét thấy: Tình cảm vợ chồng giữa chị X và anh Y đã trầm trọng, sống ly thân từ tháng 7/ 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, hai bên không còn tình cảm với nhau, việc anh Y không đồng ý ly hôn xong không có biện pháp cải thiện tình hình níu kéo tình cảm hay thay đổi bản thân nên giải quyết cho hai bên được ly hôn để các bên sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với pháp luật.

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Đề nghị HĐXX:* Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X. Cho chị X được ly hôn với anh Nguyễn Tiến Y; về con chung: Chị X và anh Y có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 26/05/2009; Nguyễn Tiến Minh Đ, sinh ngày 18/8/2011 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/7/2018. Đề nghị HĐXX giao cháu P cho anh Y, giao cháu Đ và cháu H cho chị X được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung. Anh Y, chị X có quyền đi lại thăm hỏi và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về góp phí tồn nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị X và anh Y cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thay đổi khác.

Về tài sản, công nợ chung: Không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Tiến Y trú tại: Xóm 7, thôn Đ, xã Đ, huyện Q, thành phố H nên việc chị Yên có đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết việc ly hôn là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án giao, gửi và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn (Lần thứ 2). Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung:* Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Y, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có sự tìm hiểu, không bị ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện C, thành phố H, ngày 20/5/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng: Theo chị X, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh Y mê tín dị đoan đi lễ bái không lo cho gia đình, vợ con, vợ chồng không có tiếng nói chung, thỉnh thoảng anh Y có đánh đập xúc phạm chị, nhiều lần như vậy nên tôi không thể tiếp tục chung sống với anh Y. Về phía anh Y cho rằng không hiểu cô X nghĩ gì mà tự bỏ nhà đi trong khi vợ chồng không mâu thuẫn đánh đập gì, bản thân anh xét thấy không có lỗi làm gì mà cô X tự bỏ nhà đi thì cô X tự về và có người lớn đến nói chuyện thì anh mới đồng ý. Ngoài ra gia đình hai bên và cô X ra các điều kiện khác như cấm anh đi lễ (việc tâm linh) anh không nhất trí. Vợ chồng đều xác nhận ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Đại diện gia đình bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh Y) không ý kiến gì về việc anh Y, chị X ly hôn. Qua biên bản xác minh. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị X và anh Y là trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân giữa anh Y và chị X không đạt được, cuộc sống chung căng thẳng không thể kéo dài; về phía anh Y không muốn ly hôn nhưng không có giải pháp tích cực nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng (như nêu trên) nên áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị X, xử cho chị X được ly hôn anh Y là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 26/05/2009; Nguyễn Tiến Minh Đ, sinh ngày 18/8/2011 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/7/2018 (Hiện đều đang ở với anh Y). Ly hôn chị X đề nghị xin nuôi con Nguyễn Thị Thu H (vì cháu còn nhỏ cần mẹ chăm sóc) và con Nguyễn Tiến Minh Đ (theo nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ); còn con Nguyễn Thị Bích P tự biết chăm sóc cho bản thân (nguyện vọng xin được ở với bố) thì đề nghị giao cho anh Y; quan điểm của anh Y xin được nuôi cả 03 con. Chị X và anh Y đều đưa ra các chứng cứ về nguồn thu nhập và chỗ ăn, ở để chứng minh cho quyền được nuôi con và đều không đề nghị phía bên kia góp phí tổn nuôi con.

Ngoài ra, chị X cho rằng quá trình chung sống hay từ khi ly thân chị đều có trách nhiệm nuôi dưỡng và đóng góp học hành cho các con; còn anh Y thì không đỡ đần được mẹ con chị mà chỉ ăn rồi lo đi cúng, lễ không quan tâm đến gia đình và các con, việc trông nom chăm sóc các con hiện tại do ông, bà nội giúp đỡ; đại diện gia đình bà Nguyễn Thị H (mẹ đẻ anh Y) nhất trí quan điểm và nguyện vọng của các cháu ở với bố hay mẹ gia đình đều nhất trí. Căn cứ vào mức thu nhập và tình hình thực tế của các bên. Đề bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của con chung sau khi vợ chồng ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con Nguyễn Tiến Minh Đ và Nguyễn Thị Thu H cho chị X và giao con Nguyễn Thị Bích P cho anh Y được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị X, anh Y có quyền đi lại, thăm hỏi và chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vấn đề góp phí tổn nuôi con chung: Tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con cho chị X và anh Y cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị X phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị X đối với anh Nguyễn Tiến Y;

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Nguyễn Tiến Y;

2. Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung là Nguyễn Thị Bích P, sinh ngày 26/05/2009; Nguyễn Tiến Minh Đ, sinh ngày 18/8/2011 và Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/7/2018. Ly hôn giao con Nguyễn Tiến Minh Đ và Nguyễn Thị Thu H cho chị X và giao con Nguyễn Thị Bích P cho anh Y được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác. Chị X, anh Y có quyền đi lại, thăm hỏi và chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về góp phí tổn nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ góp phí tổn nuôi con cho chị X và anh Y cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

4. Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng: Không đề nghị tòa giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000460 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Q.

6. Về quyền kháng cáo: Chị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố H;
- VKS ND huyện Q;
- THA DS huyện Q;
- UBND xã Đ H Q.
- UBND xã Y, huyện C.
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Duy T**